

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 201/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2023

“V/v Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên

Ông Hoàng Viết Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Kiều Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 827/2023/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 4 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: 4 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân T tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, sống chung như vợ chồng từ năm 1981 nhưng đến ngày 04/10/1997 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B.

Bà H, ông T sống ly thân từ cuối năm 2005 đến nay, bà H có tâm nguyện xuất gia từ bé nên đến năm 2009 khi con cái đã trưởng thành, có công việc ổn định, gia

đình riêng thì bà H xuất gia tu học tại chùa T1, L, Đồng Nai. Đến năm 2022, Bà H về lại Đắc Lắc để chăm mẹ già và tu cùng mẹ tại gia.

Nay xét thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Bà H, ông T có 03 con chung là Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1982; Nguyễn Lê Xuân Q, sinh năm 1985; Nguyễn Lê Thanh A, sinh năm 1991. Các con chung đã thành niên, có cuộc sống gia đình riêng nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ông T xác nhận những nội dung như bà H đã trình bày về quá trình tìm hiểu, kết hôn, con chung giữa ông T và bà H là đúng.

Quá trình sống chung thì ông T, bà H không có mâu thuẫn gì, năm 2009 thì bà H xuất gia đi tu và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà H muốn ly hôn thì nguyện vọng của ông T là muốn được đoàn tụ, bởi lý do bà H đưa ra là ly hôn để đi tu là không chính đáng, tuổi đã cao nên ông T muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau, chăm sóc nhau tuổi già.

Về con chung: Các con chung của bà H, ông T là Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1982; Nguyễn Lê Xuân Q, sinh năm 1985; Nguyễn Lê Thanh A, sinh năm 1991 đều đã thành niên, có cuộc sống gia đình riêng nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn ông Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Xuân T cư trú tại phường T, thành phố B, Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “ Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân T sống chung như vợ chồng từ năm 1981 nhưng đến ngày 04/10/1997 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B trên cơ sở tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân T đều thừa nhận bà Lê Thị H có tâm nguyện xuất gia đi tu nên khi con cái đã trưởng thành, có cuộc sống riêng thì từ năm 2009 bà H đã xuất gia tu học tại chùa T1, L, Đồng Nai, và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa.

Qua xác minh tại địa phương cũng xác nhận vợ chồng bà H, ông T đã sống ly thân nhiều năm nay, bà H có nguyện vọng xuất gia đi tu, về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của ông bà thì chính quyền địa phương không nắm.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân T đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng ly thân đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Bà H, ông T có 03 con chung là Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1982; Nguyễn Lê Xuân Q, sinh năm 1985; Nguyễn Lê Thanh A, sinh năm 1991. Các con chung đã thành niên, có cuộc sống gia đình riêng nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Lê Thị H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn ông Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân T có 03 con chung là Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1982, Nguyễn Lê Xuân Q, sinh năm 1985 và Nguyễn Lê Thanh A, sinh năm 1991. Các con chung đã thành niên, có cuộc sống gia đình riêng nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị H.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh Đắk Lắk,
- CCTHADSTP.B;
- UBND phường T;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Đình Thanh

